

Đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa ở Hà Nội : Luận văn ThS. Kinh tế: 60 31 01 / Nguyễn Khắc Tiến ; Nghd. : TS. Đinh Quang Ty

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tháng 11/2006, Việt Nam đã chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Đây là một sân chơi quốc tế lớn, vừa tạo nhiều cơ hội nhưng cũng sẽ đặt ra những thách thức mới cho các DN, muốn đứng vững và chiến thắng phải đủ sức cạnh tranh.

DNNVV thường chiếm tỉ trọng lớn trong cộng đồng DN, tạo nhiều việc làm cho lao động xã hội, góp phần ổn định chính trị, kinh tế, có tác động thường xuyên đến môi trường cạnh tranh trong nền kinh tế. DNNVV ở Hà Nội cũng có những đặc điểm chung của DNNVV của Việt Nam; hầu hết còn nhỏ bé, lạc hậu và đang hoạt động trong một môi trường kinh doanh còn nhiều khó khăn, liên quan đến động thái chuyển đổi của nền kinh tế nước ta hiện nay.

Để phát triển đất nước trong bối cảnh phải hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng hơn, thì một trong những vấn đề vừa có tính cấp bách, vừa có tính lâu dài là phải củng cố, phát triển, nâng cao sức cạnh tranh của các DNNVV. Bên cạnh việc tạo điều kiện thuận lợi cho sự ra đời của DN, thì việc quan trọng hơn là phải tạo môi trường để chúng phát triển, có những biện pháp hỗ trợ phù hợp. Trong đó, hỗ trợ ĐMCN cho các DNNVV là hết sức cần thiết để trực tiếp tăng cường khả năng cạnh tranh của bộ phận DN này, từ đó từng bước phát triển cộng đồng DN lớn mạnh, làm nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã thấy được vai trò của các DNNVV đối với nền kinh tế, đã có những chính sách nhằm tạo thuận lợi cho khối DN này phát triển. Tuy nhiên, các chính sách, các giải pháp cũng chỉ mới

bước đầu triển khai, hiệu quả còn thấp, còn nhiều mặt bất cập, trong đó có chính sách hỗ trợ ĐMCN đối với các DNNVV. Tác động, khuyến khích, hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước đối với các DN nhằm ĐMCN, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh còn nhiều mặt bất cập. Tình hình chung này cũng bộc lộ khá rõ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, đề tài “Đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa ở Hà Nội” được lựa chọn để thực hiện luận văn thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành Kinh tế chính trị.

2. Tình hình nghiên cứu

Ở nước ngoài, vấn đề ĐMCN trong các DN được giới nghiên cứu kinh tế đặc biệt quan tâm, là một trong những chủ đề lớn liên tục được bổ sung, đi sâu hơn trong tiến trình công nghiệp hóa và cạnh tranh thị trường. ĐMCN trong các DN càng có tính thời sự ngay cả ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, trong bối cảnh hội nhập kinh tế và cạnh tranh quốc tế hiện nay. Đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về vai trò của ĐMCN trong DN cũng như đánh giá năng lực công nghệ của các DN. Tuy nhiên, theo chúng tôi, còn ít có những công trình nghiên cứu chuyên sâu về ĐMCN trong các DNNVV ở các nước đang phát triển, mới chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, có xuất phát điểm thấp - mà Việt Nam là một trường hợp.

Ở trong nước, đã có một số công trình nghiên cứu, tiêu biểu như:

- Đề tài độc lập cấp nhà nước, mã số ĐTĐL 2003-26 “Nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý KH&CN địa phương” do GS.TS Đỗ Nguyên Phương làm chủ nhiệm, thực hiện từ năm 2003 đến năm 2006. Đề tài tuy đã đánh giá khá sâu thực trạng của công tác quản lý KH&CN ở địa phương hiện nay, nhưng chưa có điều kiện làm rõ những vấn đề liên quan đến ĐMCN của các DNNVV ở nước ta nói chung, ở thành phố Hà Nội nói riêng.

- Cùng hướng tiếp cận như trên, năm 2007, Thạc sỹ Nguyễn Việt Hoà (Viện Chiến lược và Chính sách KHCN - NITPASS) với đề tài nghiên cứu cấp bộ “Nghiên cứu tác động của cơ chế chính sách công đến việc khuyến khích DN đầu tư vào KHCN”, tập trung nghiên cứu đánh giá những cơ chế chính sách công có ảnh hưởng thế nào đến hoạt động ĐMCN của DN.

- Năm 2000, đề tài nghiên cứu cấp cơ sở của tác giả Nguyễn Thị Minh Hạnh
- Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN “Nâng cao hiệu quả một số chính sách thuế và tín dụng khuyến khích các DN ĐMCN” đã nghiên cứu tương đối sâu thực trạng và những khó khăn, bất cập trong việc vận hành chính sách thuế và tín dụng hỗ trợ các DN ĐMCN, phát triển sản xuất. Đây là hướng tiếp cận từ góc độ chính sách tài chính, tín dụng, không đề cập một cách có hệ thống các giải pháp ĐMCN trong các DN công nghiệp có quy mô nhỏ và vừa.

- Báo cáo chuyên đề “Tổng quan các chính sách của Nhà nước khuyến khích hoạt động ĐMCN trong sản xuất giai đoạn 1995 - 2005” của tiến sĩ Nghiêm Công - Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN, tập trung vào việc tổng hợp, khái quát hoá các quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước trong việc khuyến khích ĐMCN trong các DN.

- Một số nghiên cứu khác ở trong nước, như của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, đã đề cập đến vấn đề ĐMCN trong DN nói chung, trong đó có nghiên cứu cơ chế hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong DN, cũng như thống kê một số hoạt động ĐMCN trong DN. Bộ KH&CN cũng đã tiến hành thống kê, đánh giá việc thực hiện Nghị định 119-NĐ/CP về chính sách hỗ trợ đổi mới và chuyển giao công nghệ trong DN. Nhìn chung, những nghiên cứu hiện nay về các DNNVV, theo những cách tiếp cận khác nhau, đã có bàn về chính sách hỗ trợ ĐMCN.

Tựu chung lại, có thể nói ở trong nước hiện nay có không nhiều công trình nghiên cứu sâu và đồng bộ về thực trạng và giải pháp tổng thể thúc đẩy hoạt động ĐMCN trong các DNNVV trên phạm vi cả nước nói chung và ở thành phố Hà Nội nói riêng. Vì vậy, vấn đề cấp bách đặt ra hiện nay là cần nghiên cứu, đánh giá thực trạng và tìm kiếm các giải pháp hỗ trợ ĐMCN trong các DN sản xuất công nghiệp quy mô nhỏ và vừa.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích chính của luận văn là nghiên cứu, khảo sát, làm rõ thực trạng trình độ công nghệ hiện có của các DN công nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội; từ đó đưa ra các giải pháp và kiến nghị nhằm góp phần thúc đẩy việc

ĐMCN, nâng cao hiệu quả SXKD và năng lực cạnh tranh của các DN này trong giai đoạn sắp tới.

Để đạt được mục đích nêu trên, luận văn có **nhiệm vụ**:

- Hệ thống hoá một số vấn đề lý luận, khảo cứu kinh nghiệm thực tiễn liên quan trực tiếp tới vấn đề ĐMCN trong các DN nói chung và các DN công nghiệp có nhỏ và vừa nói riêng;

- Đánh giá, phân tích, làm rõ những mặt được, chưa được, những nguyên nhân tương ứng trong việc ĐMCN ở các DN công nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội những năm gần đây;

- Luận chứng rõ cơ sở khoa học của hệ thống các giải pháp và kiến nghị sẽ được nghiên cứu và thể hiện trong luận văn.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng luận văn tập trung nghiên cứu là các DN NVV thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2001 đến năm 2007.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; các phương pháp thích hợp như tập hợp và xử lý các tài liệu, các số liệu tham khảo và thống kê; phân tích kết hợp với tổng hợp và khái quát hóa; kết hợp logic với lịch sử; đối chiếu, so sánh, sơ đồ hóa...

6. Dự kiến những đóng góp mới của luận văn

- Góp phần làm rõ một số khía cạnh lý luận về công nghệ, ĐMCN của DN NVV trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; đúc kết bước đầu kinh nghiệm của một số địa phương trong nước về ĐMCN ở loại hình DN này.

- Làm rõ thực trạng về trình độ công nghệ hiện có của các DN công nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Đưa ra một số kiến nghị và giải pháp có khả năng ứng dụng vào việc ĐMCN, nhằm nâng cao hiệu quả SXKD và năng lực cạnh tranh của các DN công nghiệp nhỏ và vừa ở Hà Nội trong giai đoạn từ nay tới năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung chính của luận văn được sắp xếp và thể hiện trong ba chương:

CHƯƠNG 1 : Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đổi mới công nghệ ở các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa trong nền kinh tế thị trường

CHƯƠNG 2 : Thực trạng đổi mới công nghệ tại các DN công nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội trong giai đoạn 2001 - 2007

CHƯƠNG 3 : Quan điểm và giải pháp thúc đẩy đổi mới công nghệ ở các DN công nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Nội những năm tới đây

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

CỦA VIỆC ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ Ở CÁC DOANH NGHIỆP

CÔNG NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1.1 Khái niệm DNNVV

Nhìn chung, trên thế giới việc xác định một DN là DNNVV chủ yếu căn cứ vào hai nhóm tiêu chí phổ biến là tiêu chí định tính và tiêu chí định lượng. Tiêu chí định tính được xây dựng dựa trên các đặc trưng cơ bản của các DNNVV như trình độ chuyên môn hóa thấp, số đầu mối quản lý ít, mức độ phức tạp của quản lý thấp... Tiêu chí định lượng được xây dựng dựa trên các chỉ tiêu như quy mô, số lượng lao động, tổng giá trị tài sản (hay tổng vốn), doanh thu hoặc lợi nhuận của DN. Các tiêu chí định lượng đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc xác định quy mô DN. Ở Việt Nam, trước năm 1998, chưa có một văn bản pháp luật chính thức nào quy định tiêu chuẩn cụ thể của DNNVV. Ngày 23/11/2001, Chính phủ ban hành Nghị định 90/2001/NĐ-CP về trợ giúp phát triển DNNVV, theo đó “DNNVV là các cơ sở SXKD độc lập đã đăng ký kinh doanh theo pháp luật hiện hành, có vốn đăng ký không quá 10 tỉ đồng hoặc số lao động trung bình hằng năm không quá 300 người”.

1.2 Tiêu chí xác định DNNVV

Theo Nghị định 90 của Chính phủ, DNNVV được xác định dựa trên một trong hai tiêu thức là lao động hoặc vốn. Các tiêu chí phân loại này tương đối phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên việc dùng hai tiêu chí lao động bình quân hằng năm và vốn đăng ký kinh doanh còn quá chung chung, mới thể hiện được quy mô đầu vào mà chưa phản ánh được kết quả kinh doanh. Theo tác giả luận văn nên dựa vào số lao động làm việc thường xuyên hay số lao động làm việc từ 1 năm trở lên và chỉ tiêu doanh số hằng năm của các DN, vì nó phản ánh chính xác hơn quy mô của DN trong từng giai đoạn.

1.3 Trình độ công nghệ

Công nghệ được hiểu bao gồm 4 thành phần chính gồm công nghệ hiện thân trong trang thiết bị, hai là con người bao gồm kỹ năng, năng lực sử dụng công

nghe, ba là thông tin trong công nghệ bao gồm các tài liệu hướng dẫn sử dụng, các bí quyết công nghệ, bốn là năng lực quản lý điều hành, tổ chức trong hoạt động công nghệ. Tuy nhiên việc đánh giá trình độ công nghệ theo các tiêu chí này khá phức tạp, khó áp dụng cho các nước đang phát triển một khi các số liệu thống kê về công nghệ không thường xuyên được cập nhật và công nghệ (phần cứng là chủ yếu) không đồng bộ và chắp vá. Vì vậy, có thể xem xét, tích hợp các chỉ tiêu trên theo 3 tiêu chí là tính đồng bộ, tính hiện đại và khả năng tự chủ đối với công nghệ

1.4 Đổi mới công nghệ

Đổi mới là kết quả của một quá trình có thể xác định như một sự phối hợp các hoạt động dẫn đến các sản phẩm mới có thể tiêu thụ được và những dịch vụ hoặc sản xuất mới và hệ thống phân phối. Đổi mới công nghệ được nhấn mạnh đến yếu tố thương mại hơn là yếu tố kỹ thuật. Năng lực đổi mới được đánh giá gồm nghiên cứu triển khai, cải tiến lớn đối với sản phẩm; thay đổi lớn như dây chuyền công nghệ và các phát kiến mới (mức độ sáng chế đưa ra quy trình và sản phẩm hoàn toàn mới).

1.5 Sự cần thiết phải ĐMCN

Hầu hết các DN đều nhận thức được sự cần thiết phải ĐMCN để nâng cao sức cạnh tranh. Kết quả khảo sát của CIEM và UNDP tại Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh năm 2006 (xem bảng 1-1) cho thấy, các DN đánh giá tất cả các hoạt động ĐMCN là cần thiết và mức độ cho từng hoạt động gần như tương đương nhau, dao động trong khoảng từ 2,3 đến 2,6 điểm. Các DN đã ý thức được tầm quan trọng của các hoạt động ĐMCN đối với quá trình SXKD của họ.

Bảng 1-1: Sự cần thiết tiến hành các hoạt động ĐMCN trong DN

<i>Các hoạt động</i>	<i>Tỉ lệ DN đánh giá</i>			<i>Mức độ đánh giá của DN</i>
	<i>Không cần thiết</i>	<i>Cần thiết</i>	<i>Rất cần thiết</i>	
<i>Cải tiến các dây chuyền công nghệ hiện đại</i>	3%	47%	50%	2,5

<i>Các hoạt động</i>	<i>Tỉ lệ DN đánh giá</i>			<i>Mức độ đánh giá của DN</i>
	<i>Không cần thiết</i>	<i>Cần thiết</i>	<i>Rất cần thiết</i>	
<i>Đầu tư mới dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị</i>	11%	39%	50%	2,4
<i>Nghiên cứu, thiết kế và sản xuất sản phẩm mới</i>	7%	33%	59%	2,6
<i>Nâng cao năng lực nguồn nhân lực công nghệ (tuyển dụng, đào tạo)</i>	13%	40%	45%	2,4
<i>Bố trí lại tổ chức sản xuất</i>	11%	55%	34%	2,3

Nguồn: báo cáo khảo sát của CIEM, 2006

1.6 Vai trò của việc ĐMCN

ĐMCN luôn được coi là yêu cầu, nhiệm vụ hàng đầu của các DN, doanh nhân; phải kết hợp nhiều trình độ công nghệ, vừa vận dụng công nghệ sẵn có và từng bước cải tiến, nâng cao, vừa cố gắng tranh thủ công nghệ mới, mỗi cơ sở có khả năng tiến thẳng vào công nghệ hiện đại⁽¹⁾. Tuy nhiên, đánh giá mức độ cần thiết giữa các hoạt động của DN chưa có sự khác biệt đáng kể và điều này đặt ra câu hỏi phải chăng DN chưa xác định được rõ hoạt động nào là cấp thiết nhất trong hoàn cảnh của mình mà mới nhận thức các nhu cầu đổi mới công nghệ một cách khá chung chung.

Mặt khác, ĐMCN còn là phương thức cơ bản để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư; giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm.

1.7 Những khó khăn, thách thức đặt ra đối với các DN công nghiệp nhỏ và vừa trong việc ĐMCN

Một là, DNNVV gặp nhiều khó khăn về quy mô vốn đầu tư thấp, Thị trường cung ứng vốn cho DNNVV, chủ yếu là thị trường tài chính không chính thức.

(1) Tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên theo con đường XHCN (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI về các văn kiện Đại hội VII, ngày 24-6-1991).

Chủ DN thường phải vay với lãi suất cao, vay vốn của thân nhân bạn bè, ít được tiếp cận với vốn tín dụng chính thức của hệ thống ngân hàng. *Hai là*, DNNVV hiện nay, đang sử dụng phần lớn công nghệ lạc hậu so với mức trung bình của thế giới. Tỷ lệ đổi mới trang thiết bị rất thấp. Phương thức ứng dụng công nghệ chủ yếu là cải tiến công nghệ sao chép (nhái) theo hàng ngoại, còn ít công nghệ được nghiên cứu triển khai hoặc nhập khẩu bằng thương mại một cách đồng bộ. *Ba là*, số lượng, chất lượng nguồn lực lao động có những mặt hạn chế, trình độ tay nghề của lao động và đội ngũ quản lý thấp, gây ảnh hưởng không tốt đến việc tiếp thu, sáng tạo công nghệ mới. Trình độ và kỹ năng quản trị kinh doanh yếu, thiếu cơ bản và rất lúng túng trước sự biến động của thị trường hiện nay. *Bốn là*, Thị trường rộng lớn của DNNVV đang bị thu hẹp do sức mua của nông dân quá thấp; do hàng hoá nhập lậu. Hiệu quả kinh doanh, tốc độ tăng trưởng nhìn chung rất thấp.

1.8 Nội dung đổi mới công nghệ

Nội dung ĐMCN bao gồm nghiên cứu và triển khai; cải tiến các quy trình sản xuất hiện có; cải tiến sản phẩm; áp dụng các quy trình sản xuất mới; thiết kế hoặc đưa ra các sản phẩm mới và các hoạt động khác. Nghiên cứu triển khai là hoạt động được ít DN tiến hành nhất trong số các hoạt động ĐMCN, tuy nhiên tỷ lệ này cũng cho thấy hoạt động nghiên cứu triển khai ở cấp DN đã có sự cải thiện hơn trước đây (xem bảng 1-2).

Bảng 1-2: Số lượng, tỷ lệ DN tiến hành nghiên cứu triển khai

Loại doanh nghiệp	Số doanh nghiệp được khảo sát	Tỷ lệ trong tổng số
<i>Chia theo ngành</i>		
Doanh nghiệp dệt may	65	74%
Doanh nghiệp hoá chất	35	54%
<i>Chia theo loại hình sở hữu</i>		
DNNN	35	91%
DNTN	43	47%
DN có vốn ĐTNN	22	68%
<i>Chia theo địa bàn</i>		
DN ở Hà Nội	44	61%
DN ở TP. Hồ Chí Minh	56	71%

Nguồn: báo cáo khảo sát của CIEM, 2006

Nghiên cứu triển khai sẽ giúp ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật đã có của thế giới, phục vụ, hỗ trợ cho việc sử dụng hiệu quả các thiết bị công nghệ mới nhập, phát triển một số thiết bị tự chế chuyên dùng hoặc cải tiến nhỏ/nâng cấp các thiết bị sẵn có. Tuy nhiên, nhiều DN quy mô nhỏ đã tinh giản tối đa lực lượng lao động gián tiếp, không có phòng kỹ thuật/công nghệ; đội ngũ kỹ sư chuyên ngành cũng rất mỏng thậm chí có DN không có kỹ sư nào. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động ĐMCN. Trên thực tế các DN hiện nay tiến hành nghiên cứu triển khai đa phần phục vụ mục đích ứng dụng, vận hành công nghệ hơn là đổi mới công nghệ

Cải tiến các quy trình sản xuất, cải tiến sản phẩm, áp dụng quy trình sản xuất mới là hoạt động được nhiều DN tiến hành do đầu tư cho hoạt động này ít tốn kém hơn so với việc đầu tư mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ.

Bảng 1-3: Tỷ lệ DN tiến hành cải tiến các quy trình sản xuất hiện có

Loại doanh nghiệp	Số doanh nghiệp đã khảo sát	Tỷ lệ trong tổng số
<i>Chia theo ngành</i>		
Doanh nghiệp dệt may	65	89%
Doanh nghiệp hoá chất	35	94%
<i>Chia theo loại hình sở hữu</i>		
DNNN	35	94%
DNTN	42	86%
DN có vốn ĐTNN	22	95%
<i>Chia theo địa bàn</i>		
DN ở Hà Nội	44	91%
DN ở TP. Hồ Chí Minh	56	91%

Nguồn: báo cáo khảo sát của CIEM, 2006

Bảng 1-4: Tỷ lệ DN tiến hành cải tiến sản phẩm và đổi mới sản phẩm

Loại doanh nghiệp	Số doanh nghiệp được khảo sát	Cải tiến sản phẩm	Thiết kế đưa ra các sản phẩm mới
<i>Chia theo ngành</i>			
Doanh nghiệp dệt may	65	78%	78%
Doanh nghiệp hoá chất	35	77%	63%
<i>Chia theo loại hình sở hữu</i>			
DNNN	35	89%	89%
DNTN	42	63%	58%
DN có vốn ĐTNN	22	91%	77%
<i>Chia theo địa bàn</i>			
DN ở Hà Nội	44	64%	64%
DN ở TP. HCM	56	89%	80%

Nguồn: báo cáo khảo sát của CIEM, 2006

Ở một số DN, việc áp dụng các quy trình sản xuất mới thường được thực hiện với tính chất là mở rộng sản xuất kinh doanh nhiều hơn là đổi mới công nghệ. Ít có sự áp dụng các quy trình sản xuất mới theo kiểu thay thế hoàn toàn các trang thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ hiện có vì điều này đòi hỏi vốn đầu tư rất lớn.

1.9 Phương thức tiến hành ĐMCN

Hiện nay, phương thức được các DN sử dụng nhiều nhất để tiến hành ĐMCN là mua công nghệ từ nguồn nước ngoài và bắt buộc thiết kế lại theo mẫu, tự tổ chức nghiên cứu triển khai đi kèm với việc mua công nghệ mới. Hoạt động tự tổ chức nghiên cứu triển khai có nhưng chưa nhiều, thường được tiến hành đi kèm với việc mua công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng và vận hành công nghệ.

1.10 Tiêu chí đánh giá ĐMCN

Đánh giá ĐMCN dựa trên một số tiêu chí như DN thường xuyên tiến hành cải tiến sản phẩm và đưa ra sản phẩm mới; cải tiến sản phẩm và đổi mới sản phẩm; áp dụng các quy trình sản xuất mới; khả năng nghiên cứu triển khai.

Trên thực tế các DN hiện nay tiến hành nghiên cứu triển khai đa phần phục vụ mục đích ứng dụng, vận hành công nghệ hơn là ĐMCN, cải tiến lớn đối với sản phẩm.

1.11 Kinh nghiệm nước ngoài và trong nước về việc ĐMCN đối với các DNNVV

Nhật Bản đã ban hành nhiều chính sách cụ thể, hệ thống khá đầy đủ các luật để khuyến khích phát triển các DN lớn, đồng thời cũng thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng số lượng DNNVV như Luật Cơ bản về DNNVV, thành lập Cộng đồng các DNNVV Nhật Bản (JSBC).

Chính phủ Sin-ga-po có những chương trình hỗ trợ lớn cho chuyển giao công nghệ, hỗ trợ các công nghệ mới để dễ thương mại hoá hơn, hỗ trợ nâng cấp các ngành công nghiệp địa phương, quan tâm đến hoạt động ươm tạo và quản lý khai thác công nghệ.

Trung Quốc triển khai mạnh mẽ dịch vụ chuyển giao công nghệ và phát triển TTCN. Thực sự coi DN là chủ thể của quá trình ứng dụng các kết quả nghiên cứu và sản nghiệp hoá các thành quả KH&CN, tập trung đẩy mạnh áp dụng các chính sách kích cầu công nghệ với DN là trung tâm, là chủ thể.

1.12 Một số vấn đề rút ra có giá trị tham khảo cho thành phố Hà Nội

Hà Nội cần đánh giá đúng đặc điểm, vị trí và vai trò quan trọng của DNNVV trong phát triển kinh tế, xã hội của Thủ đô; xây dựng hệ thống chính sách cụ thể, hỗ trợ ĐMCN trong các DNNVV; thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp hữu hiệu để giúp đỡ các DNNVV về tài chính, công nghệ, thị trường,...; có các tổ chức chuyên giúp đỡ DNNVV với lực lượng cán bộ có chuyên môn tốt, hỗ trợ tốt các DNNVV; hỗ trợ việc đào tạo nguồn nhân lực KH&CN của Thủ đô. Cung cấp thông tin về khoa học, công nghệ một cách cụ thể, có chọn lọc cho các DN công nghiệp nhỏ và vừa.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI TRONG GIAI ĐOẠN 2001 - 2007

2.1. Tình hình chung của các DN công nghiệp nhỏ và vừa

Theo số liệu khảo sát năm 2007 của Hiệp hội các DN vừa và nhỏ Hà Nội (HASMEA) tại 102 DN sản xuất công nghiệp quy mô nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội, tổng số 102 người đã được phỏng vấn và tất cả đều đáp ứng tiêu chuẩn là chủ DN hoặc người có vai trò chính trong quản lý công nghệ của DN.

a. Hầu hết các chủ DN được điều tra đều thuộc nhóm tuổi trung bình từ 40-55 tuổi, nhu cầu tiềm năng để ĐMCN trong DN là rất cao vì nhóm tuổi trẻ và trung bình (dưới 55 tuổi) thường có tư duy nhanh nhạy và đổi mới hơn. Phần đông chủ DN có trình độ đại học.

b. Phần lớn các DN được điều tra thuộc loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn (chiếm 61%) và công ty cổ phần (chiếm 29%), các hình thức còn lại chiếm tỷ lệ rất thấp. Đó cũng là những hình thức phù hợp với thực tế hoạt động của các DNNVV ở Việt Nam hiện nay.

c. Quy mô DN theo số lượng lao động: Chủ yếu các DN được điều tra có quy mô vừa trở xuống (chiếm 86,3%). Các DN được gọi là lớn (trên 300 lao động) chiếm tỷ lệ rất nhỏ (13,7%). Trong số các DNNVV thì các DN nhỏ chiếm tỷ lệ cao nhất.

d. Tình hình nhân lực kỹ thuật trong DN

Bảng 2-1: Thống kê cán bộ kỹ thuật trong DN

	Tổng	thấp nhất	Cao nhất	Tổng	%	Bình quân
1. Tiến sĩ kỹ thuật trở lên	5	1	4	10	0.04	2.00
2. Thạc sĩ kỹ thuật	8	1	71	84	0.35	10.50
3. Kỹ sư công nghệ	93	1	315	1733	7.22	18.63
4. Trung cấp kỹ thuật	65	1	125	985	4.1	15.15
5. Công nhân kỹ thuật	71	1	7060	1046	43.6	147.37

	Tổng	thấp nhất	Cao nhất	Tổng	%	Bình quân
				3		
Tổng số CBCNV trong DN	102	4	7500	2399 6	100.0	235.25

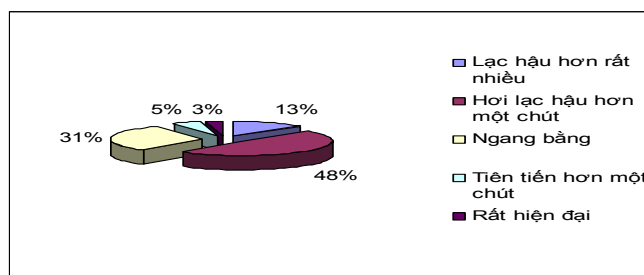
Nguồn: báo cáo khảo sát của Hasmea, 2007

e. Vốn đăng ký của DN: Căn cứ vào tiêu chí phân loại quy mô DN theo vốn tại Nghị định số 90/NĐ-CP ngày 23/11/2001, đa số DN có mức vốn đăng ký dưới 10 tỷ đồng (chiếm 85,3%).

g. Tình hình sử dụng máy tính trong DN: Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong DN cũng là một nhân tố phản ánh trình độ quản lý, áp dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới tư duy,... của DN. Kết quả điều tra cho thấy, trong tổng số 102 DN được điều tra đã có tới 100 DN có sử dụng máy tính (chiếm 98%). Tuy nhiên, mặc dù hầu hết các DN đều có sử dụng máy tính, nhưng chỉ có hơn 1/4 trong số đó có địa chỉ email (chiếm 27%). Con số này nói lên rằng các DNNVV của nước ta còn khá lạc hậu cả về tư duy lẫn ứng dụng thực tiễn trong phương pháp giao dịch, truyền thông.

2.2. Về trình độ công nghệ, máy móc thiết bị

Nhìn chung, trình độ công nghệ, hệ thống máy móc thiết bị của DNNVV ở Hà Nội còn khá lạc hậu. Vẫn theo kết quả điều tra khảo sát của Hasmea năm 2007 (hình 2-5), gần một nửa số DN tham gia điều tra (48,0%) cho rằng trình độ công nghệ hiện tại của DN đang ở mức lạc hậu hơn một chút so với mức trung bình của thế giới. Số lượng DN còn lại cho rằng trình độ công nghệ hiện tại của DN tiên tiến hơn một chút hoặc rất hiện đại chiếm tỉ lệ rất nhỏ trong số lượng được điều tra (tương ứng với 5% và 3%).



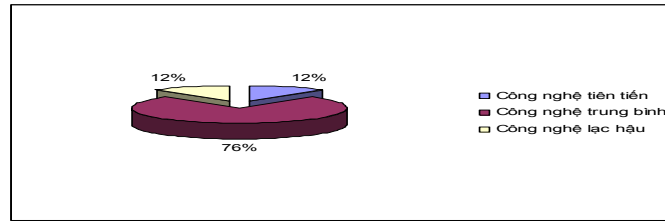
Hình 2-5: Trình độ công nghệ hiện tại của các doanh nghiệp

Nguồn: báo cáo khảo sát của Hasmea, 2007

Riêng ở các ngành như chế biến thực phẩm, đồ uống; Sản xuất máy móc thiết bị; thiết bị y tế; sản xuất và phân phối gas, nước; xây dựng công trình và hạng mục công trình, công nghệ được đánh giá đang ngang bằng mức trung bình của thế giới.

2.3. Về tình hình ĐMCN

Nhờ kinh tế xã hội phát triển, nhất là trong những năm gần đây, áp lực về ĐMCN ngày càng gia tăng nên nhiều DNNVV đã bỏ ra những khoản tiền rất lớn so với khả năng tài chính của mình để mua sắm máy móc, thiết bị công nghệ mới. Nhưng nhìn trên tổng thể, máy móc thiết bị của DNNVV còn rất lạc hậu và chắp vá. Thông tin từ Bộ KH&CN cho biết: Phần lớn các DN nước ta đang sử dụng công nghệ tụt hậu so với mức trung bình của thế giới 2 - 3 thế hệ. 80% - 90% công nghệ nước ta sử dụng là công nghệ ngoại nhập. Kết quả khảo sát của Trung tâm Hỗ trợ DNNVV (VCCI) đối với 7.245 DN ở khu vực các tỉnh, thành phố phía Bắc thấy nhóm DN có trình độ công nghệ tiên tiến và nhóm DN có trình độ công nghệ lạc hậu là tương đương, chiếm khoảng 12% cho mỗi nhóm (Hình 2-6); cho thấy sức cạnh tranh của DN rất yếu. Trong khi đó 12% số DN được coi là có công nghệ tiên tiến thì phần lớn lại là các DN có vốn đầu tư của nước ngoài.

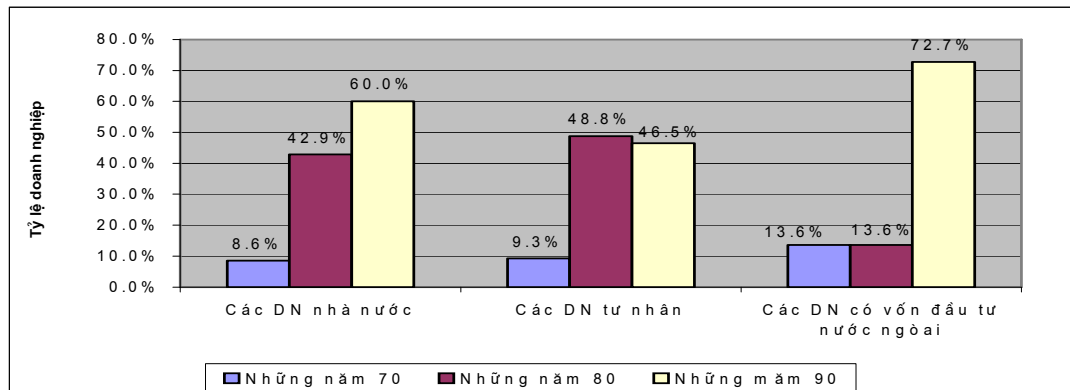


Hình 2-6: Thực trạng công nghệ tại các DNNVV

Nguồn: www.vcci.com.vn

Phần lớn công nghệ của ta tụt hậu ngay từ đầu, từ lúc mua sắm dây chuyền “thiết bị mới”. Một số trường hợp công nghệ lúc mua là loại tiên tiến nhất, nhưng do xác định công suất quá lớn so với khả năng nguyên liệu lúc bấy giờ, cho nên 10 - 15 năm sau vẫn chưa thu hồi được vốn, không có tiền ĐMCN nên thành lạc hậu.

Các DN có vốn ĐTNN có ưu thế hơn về mức độ hiện đại của máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ (xem hình 2-8).



Hình 2-8: Mức độ hiện đại của dây chuyền công nghệ

được sử dụng trong các DN khảo sát chia theo loại hình sở hữu

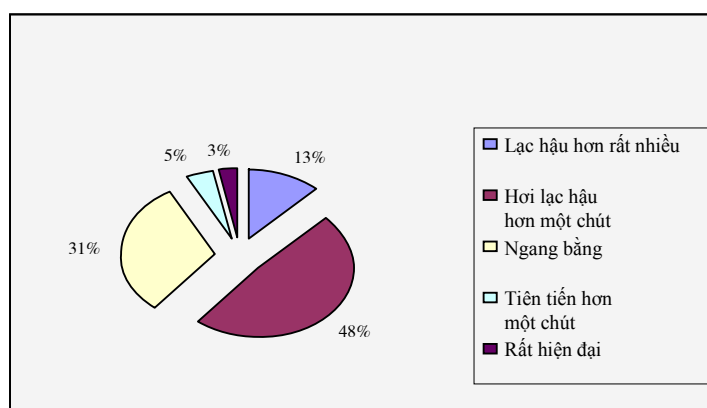
Nguồn: báo cáo Hasmea, 2007

Thông qua kết quả khảo sát của CIEM ta nhận thấy, hầu hết các DN được khảo sát đều có tình trạng công nghệ lạc hậu, đặc biệt là các DNTN (Loại hình sở hữu phổ biến của các DNNVV).

2.4. Thực trạng ĐMCN trong các DN công nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội

a. Trình độ công nghệ hiện tại của các DN sản xuất công nghiệp quy mô nhỏ và vừa

Xem xét trình độ công nghệ theo mức vốn đăng ký của DN có thể thấy trình độ công nghệ bằng mức trung bình và tiên tiến của thế giới nằm ở phía DN có quy mô vốn vừa và lớn nhiều hơn. Tỷ lệ lớn các đánh giá về công nghệ rất lạc hậu hoặc hơi lạc hậu chủ yếu thuộc về các DN có quy mô nhỏ, trong khi DN có quy mô nhỏ lại chiếm tỷ lệ lớn. Điều này cho thấy, thực tế bức tranh ít sáng sủa về trình độ công nghệ của DNNVV.



Hình 2.10: Trình độ công nghệ hiện tại của các DN sản xuất công nghiệp quy mô nhỏ và vừa

Nguồn: Báo cáo của Hasmea, 2007.

b. Nguồn gốc công nghệ hiện tại của các DN sản xuất công nghiệp quy mô nhỏ và vừa

Những nước chủ yếu mà các DN nhập công nghệ thường là Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước Tây Âu; tiếp đến là Mỹ. Một số công nghệ nhập từ các nước khác như Trung Quốc, Đài Loan, Nga, Đông Đức, các nước Đông Nam Á và các nước ở khu vực khác, nhưng trong đó, tỷ lệ công nghệ nhập của Trung Quốc và Đài Loan thường là chủ yếu.

c. Đánh giá thực trạng hoạt động gắn kết DN NVV với các cơ sở nghiên cứu

Việc phát triển công nghệ trong nước vẫn còn hạn chế cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu chuyển giao do DN thiếu vốn, thiếu đội ngũ nhân lực, thiếu thông tin, kinh nghiệm và các kỹ năng trong việc đàm phán, thương thảo hợp đồng. Các tổ chức KHCN, các viện nghiên cứu chưa cung cấp được sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường và nếu có thì thường chỉ là các công nghệ nhỏ lẻ chứ ít tạo thành các dây chuyền đồng bộ, đủ sức tạo ra sản phẩm hàng hóa cạnh tranh với hàng nước ngoài. Mối quan hệ giữa các cơ quan nghiên cứu và DN không chặt chẽ.

2.5. Dự định ĐMCN của các DN trong thời gian tới

a. Các lý do chính khiến DN không có dự định ĐMCN

Có nhiều lý do mà DN nêu ra để không ĐMCN như công nghệ hiện tại vẫn đáp ứng được yêu cầu, do DN đã đầu tư đủ công nghệ,... Ngoài ra, lý do nhiều DN đưa ra là do kinh phí ĐMCN quá cao và DN chưa đủ điều kiện hoàn toàn, hoặc DN chưa có ý định ĐMCN.

b. Định hướng lựa chọn công nghệ của DN và mức độ đáp ứng nhu cầu của công nghệ trong nước

Hầu hết các DN đều lựa chọn công nghệ nước ngoài nếu DN tiến hành ĐMCN trong thời gian tới. Một số ít DN đồng thời lựa chọn cả hai (vừa trong nước, vừa nước ngoài). Lý do là mức độ đáp ứng nhu cầu của công nghệ trong nước hạn chế, công nghệ trong nước không đáp ứng được nhu cầu.

c. Đánh giá sự tác động và tác dụng của việc ĐMCN đối với các DN công nghiệp nhỏ và vừa

Có thể nói, việc thực thi các cơ chế, chính sách của Nhà nước để hỗ trợ DN tiến hành các hoạt động ĐMCN trong thực tế vẫn còn nhiều hạn chế, chính sách của Nhà nước chưa thực sự hỗ trợ cho ĐMCN. Việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào các DN rất ít, chậm chạp; khả năng tiếp nhận các công nghệ mới còn rất hạn chế. Việc đào tạo nhân lực, cung cấp thông tin KH&CN, phát triển dịch vụ tư vấn thúc đẩy ĐMCN chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu của thị trường, của sản xuất. DN luôn bị hạn chế về vốn SXKD. Trình

độ của đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật trong các DN NVV mới chỉ hạn chế ở năng lực tiếp thu và vận hành những công nghệ sẵn có một cách thụ động. Trang bị kỹ thuật và công nghệ lạc hậu. Thiếu cơ hội tiếp xúc, nắm bắt công nghệ mới, cơ hội hợp tác với các tổ chức nghiên cứu - triển khai bên ngoài. Ở nước ta hiện nay, do chưa có một thị trường KH&CN hoàn chỉnh, nên mặc dù đã có cung từ các tổ chức nghiên cứu KH&CN trong nước và cầu từ phía các DN về các sản phẩm công nghệ nhưng “người bán” và “người mua” chưa có “nơi” gặp gỡ, để trao đổi, mua bán. Các dịch vụ chuyên môn như tiếp thị, nghiên cứu thị trường, môi giới giữa bên mua và bên bán còn thiếu và chưa được chú trọng để phát triển. Chính vì vậy, 65% DN được khảo sát đánh giá tác động của các nhân tố này ở mức độ có ý nghĩa trở lên. Quy trình xin hỗ trợ cho ĐMCN còn phức tạp và kéo dài.

CHƯƠNG 3: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ Ở CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI HÀ NỘI NHỮNG NĂM TỚI ĐÂY

3.1. Quan điểm:

a. Quan điểm chung về đổi mới công nghệ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

Về đổi mới công nghệ trong sản xuất công nghiệp, quan điểm xuyên suốt của Đảng là: “Trình độ lực lượng sản xuất ở nước ta còn thấp, lao động còn dư thừa, vốn còn hạn chế; ta phải kết hợp nhiều trình độ công nghệ, vừa vận dụng công nghệ sẵn có và từng bước cải tiến, nâng cao, vừa cố gắng tranh thủ công nghệ mới, lựa chọn từng mặt, từng khâu trong mỗi ngành, mỗi cơ sở có khả năng tiến thẳng vào công nghệ hiện đại”⁽²⁾. Trong nhiều văn kiện của Đại hội Đảng và một số nghị quyết hội nghị Ban Chấp hành Trung ương đã nhấn mạnh đến quan điểm, chủ trương của Đảng về hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới công nghệ trong các DNNVV.

Trong “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thủ đô Hà Nội thời kỳ 2001 - 2010”, quan điểm phát triển của Đảng bộ và Chính quyền thành phố Hà Nội đến năm 2010 là “Phát huy mọi nguồn lực; tăng cường hợp tác phát triển kinh tế vùng, phát triển đồng bộ các loại thị trường. Tập trung xây dựng đồng bộ cơ chế, chính sách. Luôn coi nội lực là nhân tố quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô. Phát triển mạnh lực lượng sản xuất, kết hợp chặt chẽ với xây dựng quan hệ sản xuất mới định hướng xã hội chủ nghĩa. Hỗ trợ đầu tư để hình thành đồng bộ các loại thị trường: thị trường bất động sản, thị trường mua bán công nghệ, đặc biệt công nghệ phần mềm và công nghệ sinh học,...”.

² Tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên theo con đường XHCN - Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI về các văn kiện Đại hội VII, ngày 24/6/1991

b. Đổi mới công nghệ để góp phần nâng cao vị thế nền kinh tế quốc gia và kinh tế của Hà Nội trước xu thế gia tăng của áp lực cạnh tranh bên trong và bên ngoài

ĐMCN là hết sức cần thiết để phát triển mạnh mẽ DNNVV. DNNVV với mạng lưới rộng khắp đã có truyền thống gắn bó với nông nghiệp và kinh tế xã hội nông thôn sẽ là động lực thúc đẩy sản xuất công nông nghiệp, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế Thủ đô.

c. Nâng cao nhận thức của lãnh đạo các cấp, các ngành và DN đối với vấn đề ĐMCN trong các DN sản xuất công nghiệp quy mô nhỏ và vừa

Đây là vấn đề mang tính cốt lõi trong việc hỗ trợ DNNVV tồn tại và phát triển. Cán bộ, công chức trong các cơ quan công quyền của Hà Nội cần thể hiện sự nhập cuộc mạnh mẽ của chính quyền và mỗi cán bộ nhân viên cơ quan hành chính trong việc thúc đẩy sự phát triển của DNNVV, được tiến hành bằng những việc làm cụ thể, thường xuyên, có sự nhập cuộc của toàn hệ thống chính trị của Thành phố.

d. Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý:

Để thúc đẩy DNNVV tăng cường hiệu quả hoạt động ĐMCN, nâng cao năng lực cạnh tranh thì vai trò của Nhà nước trong việc hoạch định và ban hành các chính sách vĩ mô là đặc biệt quan trọng và không thể thiếu được. Chính quyền thành phố cần tiến hành cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính và chính sách tài chính theo hướng tạo môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định, thông thoáng cho DNNVV và dịch vụ phát triển kinh doanh phát triển.

e. Thực hiện trợ giúp có trọng điểm để tăng cường khả năng cạnh tranh của một số ngành hàng có lợi thế.

f. Khuyến khích phát triển thị trường dịch vụ.

Phát triển thị trường dịch vụ theo định hướng của nền kinh tế thị trường, tách chức năng trực tiếp cung cấp dịch vụ ra khỏi chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý nhà nước. Phát triển văn hoá DN, văn hoá kinh doanh, khuyến khích khởi sự DN.

g. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trợ giúp phát triển DNNVV

Nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động phát triển DNNVV, Chính phủ sẽ cải thiện tình hình điều phối thực hiện các hoạt động trợ giúp phát triển DNNVV, tăng cường vai trò của các Tổ công tác Liên Bộ, sự phối hợp giữa cơ quan Trung ương với địa phương, các hiệp hội DN, các tổ chức tư vấn, đào tạo trực tiếp triển khai các chương trình trợ giúp phát triển DNNVV.

3.2. Giải pháp hỗ trợ ĐMCN trong các DN sản xuất công nghiệp quy mô nhỏ và vừa

a. Sửa đổi chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ

Bên cạnh những tháo gỡ từ Chính phủ và các bộ, ngành liên quan, bản thân chính quyền thành phố Hà Nội cần có ngay những đổi mới trong cơ chế hỗ trợ cho các DNNVV tiến hành đổi mới công nghệ, thực sự có những biện pháp hữu ích để cơ chế, chính sách đến được với DN. Cụ thể hoá Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thủ đô Hà Nội thời kỳ 2001-2010, bằng nhiều biện pháp đồng bộ như miễn giảm thuế đối với các DN thực hiện ứng dụng các kết quả nghiên cứu, có cơ chế, biện pháp, con người thực hiện cụ thể nhằm tạo thêm nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất, chú trọng đào tạo nghề, ưu tiên DN tiến hành đầu tư chiều sâu, đổi mới trang thiết bị, khuyến khích các trường đại học, các viện nghiên cứu trong việc gắn nghiên cứu, triển khai với sản xuất và dịch vụ. Phát triển mạnh các dịch vụ thông tin, tư vấn về công nghệ. Có chính sách khuyến khích và buộc các DN đầu tư vào nghiên cứu đổi mới công nghệ. Thực hiện chính sách ưu đãi hoặc hỗ trợ có điều kiện, có thời hạn đối với một số ngành, sản phẩm thiết yếu, DNNVV, không phân biệt thành phần kinh tế. Thực hiện chính sách thuế ưu đãi đối với việc sản xuất các sản phẩm mới, các cơ sở đầu tư công nghệ mới.

b. Nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của các DN sản xuất công nghiệp quy mô nhỏ và vừa

Thay đổi tư duy về các hoạt động đầu tư ĐMCN trong mỗi DNNVV, coi ĐMCN là một hoạt động đầu tư chứ không nên coi đây là hoạt động mang nặng tính chi phí. Không ngừng nâng cao hiệu quả SXKD, thực hiện tốt công tác phân tích, dự

báo liên quan đến hoạt động ĐMCN. Có chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

c. Khuyến khích các DNNVV tham gia vào các liên kết ngành ở mọi cấp và hỗ trợ phát triển các hiệp hội DN

Việc liên kết DN dưới các hình thức là hiệp hội DN, liên kết chùm (cluster),... sẽ giúp các DN sẽ bổ sung thế mạnh cho nhau, có điều kiện trao đổi thông tin về thị trường và về tiến bộ công nghệ.

d. Phát triển các mô hình phổ biến công nghệ:

Một trong những mô hình được cho là có hiệu quả hiện nay là vườn ươm DN và các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật, cho phép định hướng, tiếp sức và tháo gỡ hầu hết các khó khăn mà các DNNVV gặp phải do những hạn chế về quy mô gây ra.

Thúc đẩy hoạt động hỗ trợ hoạt động nghiên cứu - triển khai của DN và gắn kết DN với các tổ chức nghiên cứu - phát triển, thúc đẩy hình thành các DN KHCN.

e. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu - triển khai của DN và gắn kết DN với các tổ chức nghiên cứu - phát triển, thúc đẩy hình thành các DN khoa học - công nghệ

Thành phố cần đề xuất với Chính phủ, nếu cần thì chủ động đi đầu trong việc ban hành đồng bộ các chính sách khuyến khích các DN trực tiếp thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ.

f. Thúc đẩy phát triển hơn nữa TTCN, gắn với việc bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ

Đề án của Chính phủ phát triển TTCN đến năm 2010, cùng với Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Chuyển giao công nghệ được Quốc hội thông qua vào cuối năm 2006, đây sẽ là điều kiện thúc đẩy TTCN phát triển. Vấn đề là Hà Nội và các địa phương cần có sự chuẩn bị tốt cho hoạt động của thị trường.

g. Khuyến khích, hỗ trợ về tài chính và tín dụng cho hoạt động ĐMCN

Trong thời gian tới, các cơ chế, chính sách về tín dụng đối với nền kinh tế (trong đó có DNNVV) cần được xây dựng đồng bộ. Các DN của Thành phố khi

đầu tư ĐMCN cần được hỗ trợ vốn, vay vốn thông qua quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV.

h. Cung cấp giải pháp về thông tin thị trường, công nghệ và hợp tác quốc tế cho hoạt động ĐMCN trong các DN công nghiệp nhỏ và vừa

Giúp DNNVV thành phố Hà Nội tiếp cận với sản phẩm công nghệ cao, có thông tin đầy đủ từ nhiều nguồn, tư vấn đúng về các công nghệ hiện đại đang được áp dụng trên thế giới, giúp nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ.

KẾT LUẬN

Những năm qua, trình độ công nghệ của DN công nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội dù đã được nâng lên nhưng vẫn còn khá lạc hậu, hoạt động ĐMCN chưa thực sự sôi động, đã gây ảnh hưởng bất lợi đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của DN. Trong cuộc cạnh tranh quyết liệt ở môi trường kinh tế mở, các DN rất có thể sẽ bị thua ngay trên “sân nhà” nếu không thường xuyên tiến hành đổi mới công nghệ, gia tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Bên cạnh những nỗ lực của bản thân doanh nghiệp, các cấp chính quyền của Thủ đô cần kịp thời có những cơ chế, chính sách cụ thể thúc đẩy ĐMCN trong các DNNVV; đầu tư có trọng điểm, hỗ trợ đặc lực cho DN ĐMCN, trang thiết bị; khuyến khích mạnh mẽ các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu ĐMCN; gắn nghiên cứu, triển khai với sản xuất và dịch vụ; phát triển mạnh các dịch vụ thông tin, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp về công nghệ; có chính sách ưu đãi hoặc hỗ trợ có điều kiện đối với một số ngành, sản phẩm thiết yếu, DNNVV, không phân biệt thành phần kinh tế.

Với sự vào cuộc mạnh mẽ của các cơ quan quản lý nhà nước của Thủ đô và sự nhạy bén, chủ động của doanh nghiệp, DNNVV Hà Nội cùng với các doanh nghiệp có quy mô lớn sẽ có những đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp phát triển toàn diện Thủ đô.